Bài 1: Khẳng định sau đây đúng hay sai?

1. Nhà nước ra đời, tồn tại và pháp triển trong xã hội có giai cấp
2. **Đúng**
3. Sai
4. Nhà nước là ý chí của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội
5. Đúng
6. **Sai**
7. Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị lập ra
8. **Đúng**
9. Sai
10. Nhà nước ra đời để giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội

A) Đúng

**B) Sai**

1. Mọi quy tắc xử sự trong xã hội đều là quy phạm pháp luật
2. Đúng
3. **Sai**
4. Chỉ pháp luật mới mang tính quy phạm
5. Đúng
6. **Sai**
7. Pháp luật mang tính quy phạm phổ biến so với quy phạm pháp luật khác
8. **Đúng**
9. Sai
10. Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là cá nhân hoặc tổ chức
11. **Đúng**
12. Sai
13. Năng lực pháp luật của cá nhân xuất hiện từ khi cá nhân được sinh ra
14. **Đúng**
15. Sai

10. Năng lực pháp luật, năng lực hành vi của tổ chức xuất hiện đồng thời

**A) Đúng**

B) Sai

11. Quy phạm phải đủ cả ba bộ phận: giả định, quy định và chế tài

A) Đúng

**B) Sai**

12. Một vi phạm pháp luật chỉ phải chịu một loại tránh nhiệm pháp lý

A) Đúng

**B) Sai**

13. Thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc của vi phạm pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

14. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

15. Vi phạm pháp luật bắt buộc phải có bốn dấu hiệu (hành vi của con người, trái pháp luật, có lỗi, và chủ thể thực hiện hành vi phải có năng lực trách nhiệm pháp lý)

**A) Đúng**

B) Sai

16. Vi phạm pháp luật là con người.

A) Đúng

**B) Sai**

17. Hành vi phạm pháp luật chỉ do cá nhân thực hiện

A) Đúng

**B) Sai**

18. Trong nhà nước CNXHCN Việt Nam, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước

**A) Đúng**

B) Sai

19. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc

**A) Đúng**

B) Sai

20. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước dân chủ và pháp quyền

**A) Đúng**

B) Sai

21. Bộ luật là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất

A) Đúng

**B) Sai**

22. Mọi sự thỏa thuận là hợp đồng

A) Đúng

**B) Sai**

23. Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt

**A) Đúng**

B) Sai

24. Nhà nước phân chia và quản lý dân cư theo huyết thống

A) Đúng

**B) Sai**

25. Trong nhà nước CHXHCN Việt Nam, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước

**A) Đúng**

B) Sai

26. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc.

**A) Đúng**

27. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước dân chủ và pháp quyền.

**A) Đúng**

B) Sai

28. Bộ luật là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.

A) Đúng

**B) Sai**

29. Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua tài sản.

**A) Đúng**

B) Sai

30. Quan hệ làm việc là quan hệ liên quan đến quan hệ lao động.

**A) Đúng**

B) Sai

31. Quan hệ học nghề là quan hệ liên quan đến quan hệ lao động

**A) Đúng**

B) Sai

32. Quan hệ giải quyết tranh chấp lao động là QH liên quan đến quan hệ lao động

**A) Đúng**

B) Sai

33. Quan hệ nhân thân do luật dân sự điều chỉnh không thể bị hạn chế hoặc tước bỏ.

A) Đúng

**B) Sai**

34. Người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức.

**A) Đúng**

B) Sai

35. Hợp động lao động phải được lập thành văn bản.

A) Đúng

**B) Sai**

36. Quy phạm pháp luật bắt buộc có đủ ba bộ phận giả định, quy định, chế tài.

A) Đúng

**B) Sai**

37. Hợp đồng lao động từ 01 tháng trở nên phải đóng BHXH bắt buộc

**A) Đúng**

B) Sai

38. Chủ thể của hành vi tham nhũng phải là người có chức vụ, quyền hạn.

**A) Đúng**

B) Sai

39. Chỉ có cán bộ công chức viên chức nhà nước là chủ thể của hành vi tham nhũng.

A) Đúng

**B) Sai**

Bài 2: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Đâu là nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam?

A) Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

B) Nguyên tắc tập trung dân chủ

C) Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

**D) Cả 3 đáp án trên**

Câu 2: Đâu là cơ quan quyền lực

1. **Quốc hội**
2. Nhà nước
3. Hội đồng nhân viên các cấp
4. Viện kiểm soát

Câu 3 : Yếu tố nào nhỏ nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam

1. Ngành luật
2. Chế định pháp luật
3. **Quy phạm pháp luật**
4. Chế định pháp luật

Câu 4 : Chính phủ có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào ?

A) Nghị quyết

**B) Nghị định**

C) Thông tư

D) Quyết định

Câu 5: Lệnh được ban hành bởi

1. **Chủ tịch nước**
2. Chủ tịch quốc hội
3. Tòa án nhân dân
4. Viện kiểm soát

Câu 6: Đâu là cơ quan xét xử

1. Quốc hội
2. **Tòa án nhân dân**
3. Chủ tịch nước
4. Đảng

Câu 7: Ông A bán cho ông B chiếc xe máy. Vậy ông B có quyền gì trên chiếc xe máy đó ?

1. **Sở hữu**
2. Không có quyền gì
3. Chiếm hữu
4. Định đoạt

Câu 8: Ông A cho ông B mượn chiếc xe máy. Vậy ông B có quyền gì trên chiếc xe máy đó ?

1. Sở hữu
2. Định đoạn
3. Chiếm hữu
4. **Chiếm hữu và sử dụng**

Câu 9 : Đâu là nguyên tắc của luật lao động

1. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động
2. Nguyên tắc trả lương theo lao động nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu do nhà nước quy định
3. Pháp luật lao động tôn trọng sự thỏa thuận hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ pháp luật lao động; khuyến khích những thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động.
4. **Cả 3 đáp án trên.**

Câu 10: Đâu là phương pháp điều chỉnh của luật lao động

1. Phương pháp thỏa thuận
2. Phương pháp mệnh lệnh
3. Phương pháp tác động của tổ chức công đoàn
4. **Cả a, b, và c đều đúng**

Câu 11: Đâu là phương pháp điều chỉnh đặc trưng của Luật lao động.

1. **Mệnh lệnh đơn phương**

Câu 12: Đâu là hành vi tham nhũng

1. Ăn cắp
2. **Tham ô tài sản**
3. Ăn chặn
4. Bỏ nghề

Câu 13: Cơ quan ban hành luật và bộ luật

1. Chính phủ
2. **Quốc hội**
3. Nhà nước
4. Viện kiểm soát

Câu 14: Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất là

1. **Chính phủ**
2. Quốc hội
3. Nhà nước
4. Viện kiểm soát

Câu 15: Trong cấu trúc của quy phạm pháp luật, bộ phận trả lời cho câu hỏi: Phải làm gì? Được làm gì? Không được làm gì? Làm như thế nào? Là:

1. **Quy định**
2. Quy phạm
3. Chế tài
4. Giả định

Câu 16: Người lao động phải có độ tuổi thông thường là:

1. **Từ đủ 15 tuổi trở lên**
2. Từ đủ 14 tuổi trở lên
3. Từ đủ 18 tuổi trở lên
4. Từ đủ 16 tuổi trở lên

Câu 17: Hợp đồng được thể hiện dưới hình thức nào

1. **Văn bản; Lời nói; Hành vi**
2. Người làm chứng, Lời nói, Hành vi
3. Hành vi, văn bản
4. Văn bản

Câu 18 : A(Nhận thức bình thường, 18 tuổi) trọm cắp chiếc xe máy trị giá 20 triệu

1. Vi phạm dân sự
2. Vi phạm hành chính
3. **Vi phạm hình sự**
4. Vi phạm kỷ luật

Câu 19 : Bộ phận nào của quy phạm pháp luật nêu lên biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến áp dụng với chủ thể không thực hiện đúng phần quy định.

1. **Chế tài**
2. Quy phạm
3. Quy định
4. Giả định

Câu 20 : Bộ phận giả định của quy phạm pháp luật nói đến các yếu tố sau :

1. **Chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh dữ liệu**
2. Chủ thể
3. Điều kiện
4. Hoàn cảnh dự liệu

Câu 21: Liên đoàn Lao động Việt Nam là :

1. Tổ chức công thương
2. Tổ chức hành chính
3. Tổ chức văn hóa
4. **Tổ chức chính trị - xã hội**

Câu 22: Thời gian làm việc ban đêm được tính :

1. **Từ 22h đến 6h sáng hôm sau**
2. Từ 20h đến 4h sáng hôm sau
3. Từ 19h đến 7h sáng hôm sau
4. Từ 21h đến 5h sáng hôm sau

Câu 23: Trường hợp nào hợp đồng lao động có thể giao kết bằng lời nói

1. **Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới một tháng**
2. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 5 tháng
3. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới một năm
4. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới hai tháng

Câu 24: Chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng chỉ có thể là :

1. Sát nhân
2. **Pháp nhân**
3. Phạm nhân
4. Tù nhân

Câu 25 : Bảo hiểm xã hội tự nguyện có những chế độ nào

1. **Hưu trí và tử tuất**
2. Khum có
3. Hưu trí
4. Tử tuất

PHẦN 1: CHỌN ĐÚNG SAI

16. Nhà Nước phân chia và quản lý dân cư theo huyết thống

A) Đúng

**B) Sai**

17. Một trong những đặc trưng của Nhà Nước là thu thuế bắt buộc

**A) Đúng**

B) Sai

18. Quyền lực trong xã hội cộng sản nguyên thủy mang tính xã hội

**A) Đúng**

B) Sai

19. Quyền lực nhà nước hòa nhập vào dân cư

A) Đúng

**B) Sai**

20. Quyền lực nhà nước mang tính xã hội

A) Đúng

**B) Sai**

21. Nhà nước là chủ thể duy nhất có chủ quyền quốc gia

**A) Đúng**

B) Sai

22. Nhà nước quân chủ tuyệt đối không có hiến pháp

**A) Đúng**

B) Sai

23. Trong nhà nước quân chủ tuyệt đối, quyền lực nhà nước tập trung cho một người

**A) Đúng**

B) Sai

﻿

24. Trong nhà nước có vua, vua nằm giữ quyền lực nhà nước tuyệt đối

A) Đúng

**B) Sai**

25. Nhà nước có hai chức năng là đối nội và đối ngoại

**A) Đúng**

B) Sai

26. Bản chất của nhà nước là: tính giai cấp và tính xã hội

**A) Đúng**

B) Sai

27. Chiếm hữu nô lệ là một kiểu nhà nước

A) Đúng

**B) Sai**

28. Tư bản chủ nghĩa là một kiểu nhà nước.

A) Đúng

**B) Sai**

29. Nhà nước là ý chí của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội

A) Đúng

**B) Sai**

30. Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị lập ra

**A) Đúng**

B) Sai

31. Nhà nước ra đời để giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội.

A) Đúng

**B) Sai**

32. Trong nhà nước XHCN Việt Nam, nhân dân là chủ thể tuyệt tối cao của quyền lực nhà nước.

**A) Đúng**

B) Sai

33. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc

**A) Đúng**

B) Sai

34. Nhà nước CHXNCN Việt Nam là nhà nước dân chủ và pháp quyền

**A) Đúng**

B) Sai

CHƯƠNG 2: ĐẠI CƯƠNG VỀ PHÁP LUẬT

35. Mọi quy tắc ứng xử trong xã hội đều là pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

36. Chỉ pháp luật mới mang tính quy phạm

A) Đúng

**B) Sai**

37. Pháp luật mang tính quy phạm phổ biến so với quy phạm xã hội khác

**A) Đúng**

B) Sai

38. Một trong những thuộc tính của pháp luật là tính xác định chặt chẽ về nội dung và hình thức.

**A) Đúng**

B) Sai

39. Một trong những thuộc tính của pháp luật là tính đảm bảo bằng nhà nước

**A) Đúng**

B) Sai

40. Một trong những vai trò của pháp luật là điều chỉnh

**A) Đúng**

B) Sai

41. Một trong những vai trò của pháp luật là bảo vệ

**A) Đúng**

B) Sai

42. Một trong những bản chất của pháp luật đó là tính giai cấp

**A) Đúng**

B) Sai

43. Một trong những bản chất của pháp luật là tính xã hội

**A) Đúng**

B) Sai

44. Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là cá nhân hoặc tổ chức

**A) Đúng**

B) Sai

45. Năng lực pháp luật của cá nhân xuất hiện từ khi cá nhân được sinh ra

**A) Đúng**

B) Sai

46. Năng lực pháp luật, năng lực hành vi của tổ chức xuất hiện đồng thời

**A) Đúng**

B) Sai

47. Quy phạm pháp luật phải từ cả ba bộ phận: giả định, quy định, chế tài

A) Đúng

**B) Sai**

48. Một vi phạm pháp luật chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý

A) Đúng

**B) Sai**

49. Thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc của vi phạm pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

50. Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

51. Vi phạm pháp luật bắt buộc phải có bốn dấu hiệu (hành vi của con người, trái pháp luật, có lối và chủ thể thực hiện hành vi phải có năng lực trách nhiệm pháp lý).

**A) Đúng**

B) Sai

52. Vi phạm pháp luật là con người

A) Đúng

**B) Sai**

53. Hành vi vi phạm pháp luật chỉ do cá nhân thực hiện.

A) Đúng

**B) Sai**

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

54. Cấu trúc của hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

55. Yếu tố nhỏ nhất trong hệ thống pháp luật là quy phạm pháp luật

**A) Đúng**

B) Sai

56. Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất trong lịch sử xã hội loài người là văn bản quy phạm pháp luật

A) Đúng

**B) Sai**

57. Quy phạm pháp luật bắt buộc có đủ ba bộ phận: giả định, quy định, chế tài.

A) Đúng

**B) Sai**

58. Quy định là bộ phận trung tâm, không thể thiếu của quy phạm pháp luật.

**A) Đúng**

B) Sai

59. Nguồn của pháp luật Việt Nam bao gồm tập quán pháp, văn bản quy phạm pháp luật.

A) Đúng

**B) Sai**

60. Bộ luật là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.

A) Đúng

**B) Sai**

61. Hiến pháp là văn bản quy định pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

**A) Đúng**

B) Sai

62. Hiến pháp năm 2013 của nước CHXHCN Việt Nam là bản hiến pháp đang có hiệu lực thi hành.

**A) Đúng**

B) Sai

63. Phương pháp điều chỉnh của luật hành chính là thỏa thuận, bình đẳng

A) Đúng

**B) Sai**

64. Độ tuổi được phép kết hôn: Nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi

A) Đúng

**B) Sai**

65. Vợ chồng có quyền có tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân

**A) Đúng**

B) Sai

66. Pháp luật cấm anh, chị, em nuôi kết hôn

A) Đúng

**B) Sai**

67. Pháp luật không cấm kết hôn giữa cha mẹ nuôi và con nuôi

A) Đúng

**B) Sai**

68. Pháp luật không cấm kết hôn giữa cha dượng với con riêng của vợ

A) Đúng

**B) Sai**

69. Pháp luật không cấm những người đồng giới kết hôn

**A) Đúng**

B) Sai

70. Pháp luật thừa nhận hôn nhân của những người đồng giới

A) Đúng

**B) Sai**

71. Pháp luật cấm kết hôn giữa bố chồng và con dâu

**A) Đúng**

B) Sai

72. Pháp luật cấm kết hôn giữa mẹ vợ với con rể

**A) Đúng**

B) Sai

73. Không cấm kết hôn giữa anh chị em nuôi với nhau

**A) Đúng**

B) Sai

74. Không cấm kết hôn giữa những người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi

A) Đúng

**B) Sai**

75. Cấm kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi bốn đời

A) Đúng

**B) Sai**

76. Cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu trực hệ

**A) Đúng**

B) Sai

77. Tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng

A) Đúng

**B) Sai**

78. Tài sản phát sinh trước thời kỳ hôn nhân luôn là tài sản riêng của vợ chồng

A) Đúng

**B) Sai**

79. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung của từng phần

A) Đúng

**B) Sai**

80. Có tồn tại hôn nhân thực tế trước năm 1987

A) Đúng

**B) Sai**

CHƯƠNG 4: LUẬT DÂN SỰ

81. Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua tài sản.

**A) Đúng**

B) Sai

82. Quan hệ việc làm là quan hệ liên quan đến quan hệ lao động

**A) Đúng**

B) Sai

83. Quan hệ học nghề là quan hệ liên quan đến quan hệ lao động

**A) Đúng**

B) Sai

84. Quan hệ giải quyết tranh chấp lao động là quan hệ liên quan đến hệ lao động

**A) Đúng**

B) Sai

85. Quan hệ nhân dân do luật dân sự điều chỉnh không thể bị hạn chế hoặc tước bỏ

A) Đúng

**B) Sai**

86. Mọi sự thỏa thuận là hợp đồng.

A) Đúng

**B) Sai**

87. Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt.

**A) Đúng**

B) Sai

CHƯƠNG 5: LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

88. Mục đích của tham nhũng là vụ lợi

**A) Đúng**

B) Sai

89. Lỗi của chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng là cố ý hoặc vô ý

A) Đúng

**B) Sai**

90. Chủ thể của hành vi tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn

**A) Đúng**

B) Sai

91. Trộm cắp tài sản là hành vi tham nhũng

A) Đúng

**B) Sai**

92. Khách thể của hành vi tham nhũng là quyền sở hữu

A) Đúng

**B) Sai**

93. Xử lý tham nhũng không áp dụng với những người đã nghỉ hưu hoặc chuyến công tác

A) Đúng

**B) Sai**

94. Chỉ có cán bộ công chức, viên chức nhà nước mới là chủ thể của hành vi tham nhũng

A) Đúng

**B) Sai**

95. Tham nhũng chỉ xảy ra ở khu vực nhà nước

A) Đúng

**B) Sai**

PHẦN 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG NHẤT

Câu 15: Chọn khẳng định đúng.

a. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam được tổ chức và hoạt theo nguyên tắc tập trung – dân chủ

Câu 24: Chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng chỉ có thể là:

a. Cá nhân

Câu 25: Yếu tố thuộc mặt chủ quan của tội phạm tham nhũng là

a. Lỗi cố ý

Câu 26: Công an giao thông lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính người vi phạm pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật :

1. Áp dụng pháp luật

﻿

CHƯƠNG I CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

1. Quan điểm: “Nhà nước là sản phẩm của sự thoả thuận bởi các thành viên trong xã hội về việc thành lập một tổ chức điều hoà các mối quan hệ xã hội vì lợi ích cộng đồng" là quan điểm của thuyết nào dưới đây:

A) Thuyết gia trưởng,

B) Thuyết bạo lực,

**C) Thuyết khế ước xã hội;**

D) Thuyết tâm lý.

2. Theo quan điểm Mác – Lê Nin, nhà nước ra đời dựa trên các tiền đề nào dưới đây:

A. Tiền đề kinh tế; Tiền đề xã hội và Tư tưởng của giai cấp thống trị;

**B. Tiền đề kinh tế và Tiền đề xã hội.**

C. Cả hai đáp án trên.

3. Đâu là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước trong các đáp án dưới đây:

A. Nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ để quản lý;

B. Sử dụng quyền lực cưỡng chế nhà nước để bảo vệ các quan

hệ xã hội trước các hành vi vi phạm.

C. Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc đối với mọi thành viên trong xã hội.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng;

**E. Đáp án A và C.**

4. “Quyền lực tập trung vô hạn, tuyệt đối vào tay người đứng đầu

nhà nước” là chính thể nào dưới đây:

A. Chính thể cộng hòa,

B. Chính thể quân chủ tương đối;

**C. Chính thể quân chủ tuyệt đối.**

D. Đáp án B và C.

5. Khẳng định nào dưới đây là đúng:

﻿**A. Bất kỳ kiểu nhà nước nào cũng đều có chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.**

B. Tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển khác nhau mà các kiểu nhà nước có chức năng đối nội, chức năng đối ngoại khác nhau.

C. Cả hai đáp án trên.

6. Lựa chọn các cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Ngân hàng nhà nước;

B. Thanh tra Chính phủ;

C. Ủy ban chứng khoản Nhà nước;

D. Văn phòng Chính phủ;

**E. Ủy ban dân tộc.**

7. Trong chính thể cộng hoà, Nghị viện là cơ quan duy nhất đóng

vai trò trọng yếu không phải là hình thức chính thể nào sau đây:

A. Cộng hoà tổng thống,

B. Cộng hoà đại nghị,

C. Cộng hoà lưỡng tính.

D. Cả 03 đáp án trên.

**E. Đáp án A và C.**

8. Xét về hình thức chính thể, Hoa Kỳ thuộc hình thức nào sau

đây:

**A. Cộng hoà tổng thống**

B. Cộng hoà đại nghị

C. Cấu trúc liên bang

D. Cả 03 đáp án trên.

E. Đáp án A và C.

9. Lựa chọn các Kiểu nhà nước trong các đáp án dưới đây:

A. Nhà nước chủ nô;

B. Nhà nước tư sản;

C. Nhà nước Aten

D. Nhà nước phong kiến,

E. Nhà nước Xã hội chủ nghĩa,

F. Tất cả các đáp án trên..

**G. Đáp án A, B, D và E.**

10.“Duy trì trật tự kinh tế, xã hội, chính trị và những trật tự khác”

là chức năng nào của nhà nước trong các chức năng dưới đây:

**A. Chức năng đối nội**

B. Chức năng đối ngoại.

CHƯƠNG II MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

﻿

11. Lựa chọn các hình thức tồn tại của Pháp luật trong các đáp án

dưới đây:

A. Tập quán pháp:

B. Án lệ;

C. Văn bản quy phạm pháp luật;

**D. Cả 03 đáp án trên,**

E. Đáp án A và C.

12. Đâu là nguồn chủ yếu, quan trọng nhất của hệ thống pháp luật

Việt Nam trong các đáp án dưới đây:

A. Tập quản pháp;

B. Tiền lệ pháp;

**C. Văn bản pháp luật.**

D. Tất cả các đáp án trên.

13.Lựa chọn các thuộc tính (đặc trưng) của pháp luật trong các đáp án dưới đây:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức;

B. Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến);

C. Tính đảm bảo bởi nhà nước;

**D. Cả 03 đáp án trên.**

14. Xét về bản chất, tính xã hội là thuộc tính khách quan và phổ

biến trong kiểu pháp luật nào dưới đây:

A. Pháp luật chủ nô;

B. Pháp luật phong kiến;

C. Pháp luật tư sản;

D. Pháp luật chủ nghĩa xã hội.

**E. Tất cả các đáp án trên.**

15. Xét về hình thái kinh tế - xã hội, pháp luật thuộc yếu tố nào

dưới đây:

**A. Kiến trúc thượng tầng;**

B. Cơ sở hạ tầng

C. Cả 02 đáp án trên.

CHƯƠNG III HỆ THỐNG PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT

16. Các bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật bao gồm:

A. Quy phạm pháp luật;

B. Ngành luật;

C. Chế định luật

**D. Cả 03 đáp án trên**

17. Cấu trúc của quy phạm pháp luật bao gồm:

A. Quy định;

B. Chế tài

C. Giả định

**D. 03 đáp án trên**

﻿18. Trong quy phạm pháp luật, bộ phận trả lời cho câu hỏi ‘Phải làm gì và hoặc làm như thế nào?’ là bộ phận.

A. Giả định

**B. Quy định**

C. Chế tài

19.Trong quy phạm pháp luật, bộ phận ‘Xác định biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng cho cá nhân, tổ chức khi họ ở vào những tính hướng nhất là’ là bộ phận nào sau đây

A. Giả định

B. Quy định

**C. Chế tài**

20. Lựa chọn chế tái pháp lý trong các đáp án dưới đây

A. Chế tài dân sự

B. Chế tài hành chính

C. Hình phạt

D. Chế tài kỷ luật

**E. Tất cả các đáp án trên**

21. Đâu là chế tài pháp lý nghiêm khắc nhất trong các chế tài dưới

đây:

A. Chế tài dân sự

**B. Chế tài hình sự**

C. Chế tài kỷ luật

D. Chế tài hành chính

E. Tất cả các đáp án trên

22. Chế định luật là:

A. Tổng hợp của tất cả các quy phạm pháp luật điều chỉnh các

quan hệ xã hội tương ứng

**B. Tổng hợp của tất cả các quy phạm pháp luật có đặc điểm chung giống nhau điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng**

C. Cả hai đáp án trên đều sai

23. Pháp lệnh là văn bản do cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền ban hành

A. Quốc hội.

B. Chủ tịch nước

C. Chính phủ,

**D. Tất cả đáp án trên đều sai**

24. Khẳng định nào dưới đây là sai

A. Hiến pháp không bị giới hạn hiệu lực về không gian, thời gian, đối tượng

B. Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đều bị giới hạn hiệu lực về mặt không gian, thời gian, đối tượng

C. Chỉ một số văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan thẩm quyền ở địa phương ban hành mới bị giới hạn hiệu lực về không gian, thời gian, đối tượng

**D. Đáp án A và C**

25. Quan hệ pháp luật được hình thành bởi:

**A. Quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh và sự kiện pháp lý tương ứng xảy ra trên thực tế.**

B. Quan hệ xã hội bị tác động bởi sự kiện pháp lý tương ứng xảy ra trên thực tế;

C. Khi có quy phạm pháp luật tương ứng điều chỉnh quan hệ xã hội đó.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

26. Lựa chọn các bộ phận cấu thành Quan hệ pháp luật trong các

đáp án dưới đây:

A. Chủ thể;

B. Khách thể;

C. Nội dung;

**D. Tất cả các đáp án A, B và C;**

E. Đáp án A và B.

CHƯƠNG IV. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT - VI PHẠM PHÁP LUẬT – TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

27. Lựa chọn hình thức thực hiện pháp luật trong các đáp án dưới đây:

A. Tuân thủ pháp luật;

B. Thi hành pháp luật;

C. Sử dụng pháp luật;

D. Áp dụng pháp luật;

**E. Tất cả các đáp án trên.**

28. Lựa chọn khẳng định đúng dưới đây:

A. Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật là những hình thức thực hiện pháp luật do cơ quan nhà nước

có thẩm quyền thực hiện.

**B. Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật là những hình thức thực hiện pháp luật mà mọi chủ thể pháp luật đều có thể thực hiện.**

C. Cả 2 đáp án trên đều sai.

29. Thanh tra Sở xây dựng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xây dựng trái pháp luật nào dưới đây:

**A. Áp dụng pháp luật.**

B. Sử dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

30. Anh A quyết định xử phạt vi phạm hành chính của chủ tich UBND là hình thức thực hiện pháp luật nào sau đây.

A. Áp dụng pháp luật.

**B. Sử dụng pháp luật.**

C. Thi hành pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

31. Vi phạm pháp luật là:

A. Là hành vi trái pháp luật

B. Có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp luật thực hiện,

C. Xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

**D. Cả 3 đáp án trên.**

32. Lỗi là yếu tố thuộc:

**A. Mặt chủ quan**

B. Mặt khách quan,

C. Chủ thể;

D. Khách thể;

E. Cả 04 đáp án trên.

33. Mặt khách quan của hành vi vi phạm pháp luật bao gồm:

A. Chủ thể và động cơ vi phạm pháp luật của chủ thể.

**B. Hành vi trái pháp luật và mối quan hệ nhân quả giữa hậu quả và hành vi trái pháp luật đó.**

C. Lỗi, động cơ và mục đích vi phạm pháp luật của chủ thể.

D. Tất cả các đáp án trên

34. Khách thể của vi phạm pháp luật là:

**A. QHXH được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi trái pháp luật xâm phạm.**

B. Những lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần mà chủ thể muốn đạt được.

C. Quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.

35. Hành vi “Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân” phát sinh trách nhiệm pháp lý nào dưới đây:

**A. Trách nhiệm hình sự**

B. Trách nhiệm kỷ luật,

C. Trách nhiệm hành chính;

D. Trách nhiệm dân sự

36. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính hiện nay gồm:

A. Phạt tiền, cảnh cáo, trục xuất.

B. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc định chỉ hoạt động có thời hạn

﻿

C. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử

dụng để vi phạm hành chính;

**D. Tất cả đáp án A,B,C**

37. Trong trách nhiệm hình sự, phạt tiền là:

A. Hình phạt chính.

B. Hình phạt bổ sung.

**C. Cả 2 đáp án A, B đều đúng.**

D. Cả 2 đáp án trên đều sai.

38. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, phạt tiền là:

**A. Hình phạt chính.**

B. Hình phạt bổ sung.

C. Cả 2 đáp án A, B đều đúng.

D. Cả 2 đáp án A, B đều sai.

39. Đối với trách nhiệm pháp lý hình sự, Tù có thời hạn là:

**A. Hình phạt chính;**

B. Hình phạt bổ sung;

C. Cả 02 đáp án trên.

40. Loại vi phạm pháp luật nào gây ra hậu quả lớn nhất cho xã hội

trong các vi phạm dưới đây:

A. Vi phạm dân sự.

B. Vi phạm hành chính;

**C. Vi phạm hình sự;**

CHƯƠNG V.LUẬT DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG DÂN SỰ

41. Đối với quyền sở hữu, chủ sở hữu có quyền chuyển giao cho chủ thể khác các loại quyền nào sau đây:

A. Quyền chiếm hữu;

B. Quyền sử dụng,

C. Quyền định đoạt;

**D. Chuyển giao cả 03 quyền tại các đáp án A, B và C.**

E. Chỉ chuyển giao quyền sử dụng và quyền định đoạt.

42. Khẳng định nào dưới đây là đúng:

A. Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được xác lập giao dịch dân sự trong phạm vi tài sản họ sở hữu.

**B. Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được xác lập giao dịch dân sự trong phạm vi tài sản họ sở hữu, trừ trường hợp lập di chúc phải được sự đồng ý của người đại diện hoặc giám hộ.**

C. Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không được xác lập giao dịch dân sự trong phạm vi tài sản họ sở hữu.

43. Xét về độ tuổi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự là người:

A. Dưới 6 tuổi.

B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 15 tuổi.

C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi.

D. Từ đủ 18 tuổi

**E. Đáp án B và C**

44. Lựa chọn các hình thức xác lập giao dịch dân sự trong các đáp án dưới đấy.

A. Bằng văn bản

B. Bằng lời nói

C. Thông điệp dữ liệu điện tử

**D. Tất cả các đáp án trên.**

45. Lựa chọn khẳng định đúng dưới đây:

A. Người được hưởng di sản thừa kế không có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong mọi trường hợp.

**B. Người được hưởng thừa kế có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nếu có.**

C. Người không được hưởng thừa kế vẫn bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại .

D. Đáp án A và C.

46. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia tài sản đối với động

sản là:

A. 03 năm

**B. 10 năm**

C. 30 năm

D. Tất cả các đáp án trên.

47. Lựa chọn các trưởng hợp thừa kế theo pháp luật dưới đây:

A. Không có di chúc;

B. Có di chúc nhưng di chúc bị vô hiệu một phần;

C. Có di chúc nhưng di chúc vô hiệu toàn bộ.

**D. Tất cả các đáp án trên.**

48. Lựa chọn những trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc do người chết lập trong các trường hợp sau đây:

A. Con chưa đủ 18 tuổi của người chết;

B. Cha, mẹ, vợ, chồng của người chết;

C. Con từ đủ 18 tuổi trở lên của người chết trong mọi trường

hơp.

D. Cả 03 đáp án trên đều đúng.

**E. Đáp án A và B.**

TỐ TỤNG DÂN SỰ

49. Đối với tranh chấp dân sự liên quan đến bất động sản, tòa án thẩm quyền thụ lý giải quyết là tòa án nào dưới đây:

A. Tòa án nơi bị đơn cư trú.

B. Tòa án nơi có bất động sản,

C. Tòa án theo sự thỏa thuận của các bên;

﻿ D. Cả 2 đáp án trên

50. Xác định người tham gia tố tụng trong vụ án dân sự đối với các trường hợp sau đây

A. Người có yêu cầu,

B. Người bị yêu cầu,

C. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan

D. Cả 03 đáp án trên đều đúng;

51. Đâu không phải là người tham gia tố tụng trong vụ án dân sự dưới đây:

A. Nguyên đơn

B. Bị đơn;

C. Người bị yêu cầu

52. Xác định cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án dân sự dưới

đây:

A. Cơ quan điều tra,

B. Viện kiểm sát nhân dân;

C. Tòa án nhân dân;

D. Cơ quan thi hành án dân sự,

E. Cả 3 đáp án trên.

F. Đáp án B và C.

53. Xác định đương sự trong vụ án dân sự dưới đây:

A. Nguyên đơn;

B. Bị đơn.

C. Người làm chứng

D. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

E. Tất cả các đáp án trên.

F. Đáp án A, B và D.

54. Lựa chọn các giai đoạn tố tụng vụ án dân sự sau đây:

A. Sơ thẩm;

B. Hoà giải;

C. Phúc thẩm;

D. Giám đốc thẩm;

E. Cả 04 đáp án trên

F. Đáp án A, C, D

55. Xác định đường sự trong Việc dân sự dưới đây:

A. Nguyên đơn, bị đơn.

B. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

C. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

D. Cả 3 đáp án trên.

B. Đáp án B và C.

56. Xác định điều kiện khởi kiện vụ án dân sự trong các đáp án duới đây:

A. Người khởi kiện có đầy đủ năng lực chủ thể;

﻿B. Vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án

C. Vụ án chưa được giải quyết bằng một bản án, quyết định đã cso hiệu lực pháp luật

D. Trong thời hiệu khởi kiện.

E. Tất cả các đáp án trên.

57. Khẳng định nào dưới đây là đúng:

A. Hòa giải chỉ được tòa án tiến hành trước khi đưa vụ án dân sự

ra xét xử.

B. Đương sự có quyền yêu cầu tòa án công nhận thỏa thuận thành trước hoặc trong phiên tòa xét xử vụ án dân sự.

C. Cả 2 đáp án trên đều sai.

58. Những người nào dưới đây có quyền kháng nghị bản án, quyết định dân sự của tòa án cấp sơ thẩm:

A. Đương sự

B. Viện trưởng VKS nhân dân cùng cấp;

C. Viện trưởng VKS nhân dân cấp trên trực tiếp;

D. Đáp án B và C.

59. Thời hạn kháng cáo bản án của đương sự có mặt tại phiên tòa

sơ thẩm:

A. 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án;

B. 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

C. 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

CHƯƠNG VI LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

60. Nam, nữ được kết hôn khi đạt độ tuổi nào dưới đây:

A. Nam từ đủ 19 tuổi, nữ từ đủ 17 tuổi;

B. Nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi;

C. Nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

61. Cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký kết hôn không có yếu tố

nước ngoài dưới đây:

A. Thôn, bản, khu phố;

B. UBND cấp xã của một trong hai bên nam nữ;

C. UBND cấp huyện của một trong hai bên nam nữ;

D. Nhà thờ

62. Lựa chọn các trường hợp chấm dứt hôn nhân trong các đáp án

sau đây:

A. Ly hôn,

B. Ly thân;

C. Khi vợ hoặc chồng chết;

D. Cả 03 đáp án trên

E. Đáp án A và C.

63. Người nào dưới đây có quyền yêu cầu tòa án hủy kết hôn trái

pháp luật

A. Bất kỳ cá nhân nào khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật ddeuf có quyền được yêu cầu.

B. Cha, mẹ, người giám hộ của người kết hôn trái pháp luật

C. Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

E. Đáp án B VÀ C

64. Khi tổ chức đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ có bắt buộc phải có mặt không?

A. Chỉ cần một trong hai bên nam nữ có mặt là được;

B. Bắt buộc hai bên nam nữ phải có mặt;

C. Cả hai bên vắng mặt đều được những phải ủy quyền hợp pháp cho người khác.

D. Tùy từng trưởng hợp theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền đăng ký kết hôn có thể có mặt hoặc không có mặt;

65.Tài sản chung vợ chồng là tài sản nào sau đây:

A. Tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân;

B. Tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung;

C. Tài sản riêng của vợ hoặc chồng thỏa thuận là tài sản chung vợ chồng,

D. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn. E. Tất cả các đáp án trên.

66. Những tài sản nào dưới đây là tài sản riêng vợ, chồng:

A. Tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn;

B. Tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ

hôn nhân.

C. Tài sản được chia riêng cho vợ, chồng trong thời kỳ hôn

nhân.

D. Tài sản của vợ, chồng được mua từ tiền riêng của vợ, chồng.

E. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

67. Chồng không có quyền đơn phương ly hôn trong trường hợp

nào dưới đây:

A. Vợ đang mang thai,

B. Nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

C. Nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

D. Tất cả các đáp án trên.

E. Đáp án A và B.

68. Thời điểm chấm dứt hôn nhân là thời điểm nào dưới đây:

A. Kể từ ngày Tòa án tuyên bản án, quyết định.

B. Ngày bản án, quyết định của tòa án thẩm quyền có hiệu lực pháp luật

C. Cả 2 đáp án trên

69. Khi ly hôn, con dưới 36 tháng tuổi có thể được giao cho ai nuôi

trong các đáp án dưới đây:

A. Giao cho mẹ trực tiếp nuôi;

B. Giao cho bố nuôi khi người mẹ không đủ điều kiện để trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

C. Theo thỏa thuận của cha mẹ

D. Đáp án A, B và C đều đúng,

E. Đáp án A, B và C đều sai.

70. Cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho

người nước ngoài tại Việt Nam:

A. UBND cấp xã;

B. UBND cấp huyện;

C. UBND cấp tỉnh;

D. Sở tư pháp.

71. Cơ quan nào dưới đây có thẩm quyền thụ lý, giải quyết ly hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam:

A. Đại sứ quán, lãnh sự quán đặt tại Việt Nam của quốc gia mà người yêu cầu ly hôn mang quốc tịch;

B. Tòa án nhân dân huyện, quận nơi người nước ngoài cư trú;

C. Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người nước ngoài cư trú.

72. Khi vợ chồng ly hôn có tranh chấp quyền nuôi con, con ở độ tuổi nào sau đây phải xem xét nguyện vọng của con:

A. Từ 07 tuổi trở lên;

B. Từ 08 tuổi trở lên;

C. Từ 09 tuổi trở lên.

CHƯƠNG VI. LUẬT LAO ĐỘNG

73. Hợp đồng lao động nào dưới đây phải được giao kết bằng văn

bån:

A. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

B. Hợp đồng lao động xác định thời hạn

C. Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

E. Đáp án A và B.

74. Xác định những hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động:

A. Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động.

B. Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động

﻿C. Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động

D. Cả 3 đáp án trên

75. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc ít nhất phá bằng bao nhiêu % mức lương chính thức của công việc đó.

a. Bằng 75%

b. Bằng 85%

c. Bằng 65%

76. Lựa chọn các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động sau đây:

A. Do ý chí của người lao động và người sử dụng lao động.

B. Do ý chỉ của bên thứ ba;

C. Do ý chí của người lao động hoặc người sử dụng lao động.

D. Cả 3 đáp án trên.

77. Lựa chọn các hình thức xử lý kỷ luật lao động trong các đáp án dưới đây:

A. Khiến trách;

B. Tạm đình chỉ công việc;

C. Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng,

D. Cách chức;

E. Phạt tiền;

F. Sa thai.

G. Tất cả các đáp án trên,

H. Đáp án A, C, D và F.

78. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường vào năm 2021 là:

A. Đủ 62 tuổi đối với lao động nam và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ.

B. Đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ.

C. Đủ 60 tuổi 06 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 08 tháng đối với lao động nữ.

79. Lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động:

A. Hòa giải viên lao động.

B. Hội đồng trọng tài lao động.

C. Tòa ăn nhận dâng

D. Cả 3 đáp án trên.

CHUONG 8 LUẬT HÌNH SỰ

80. Khung hình phạt tù từ 07 năm các loại tội phạm sau đây:

A. Tội phạm ít nghiêm trọng

B. Tội phạm nghiêm trọng.

﻿C. Tội phạm rất nghiêm trọng

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

81. Độ tuổi nào duới đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội

phạm:

A. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi,

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên;

C. Từ đủ 18 tuổi.

D. Tất cả các đáp án trên.

E. Đáp án B và C.

82. Trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội, người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội nào dưới đây:

A. Ít nghiêm trọng

B. Nghiêm trọng

C. Rất nghiêm trọng,

D. Đặc biệt nghiêm trọng.

E. Cả 04 đáp án trên,

F. Đáp án C và D.

83. Trường hợp nào dưới đây không áp dụng hình phạt tử hình:

A. Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

B. Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 24 tháng

tuổi;

C. Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng

tuổi,

D. Đáp án A và B

E. Tất cả các đáp án trên.

84. Trường hợp nào sau đây được loại trừ trách nhiệm hình sự:

A. Sự kiện bất ngờ

B. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự;

C. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

D. Tinh thể cấp thiết,

E. Tất cả các đáp án trên đây.

85. Đối với cá nhân phạm tội, đâu là hình phạt chính trong các

hình phạt dưới đây:

A. Phạt tien;

B. Tù có thời hạn

C. Tử hình,

D. Cẩm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề,

E. Tất cả các đáp án trên

E. Đáp án A, B và C.

86. Lựa chọn các giai đoạn tố tụng vụ án hình sự trong các đáp án

dưới đây:

A. Tố cáo

B. Khởi tố,

C. Điều tra

D. Truy tố;

E. Xét xử.

F. Tất cả các đáp án trên.

G. Đáp án B, C, D và E.

87. Lựa chọn cơ quan tiến hành tố tụng vụ hình sự trong các đáp

án dưới đây:

A. Cơ quan điều tra,

B. Viện kiểm sát nhân dân;

C. Tòa án nhân dân;

D. Cơ quan thi hành án,

E. Tất cả các đáp án trên;

F. Đáp án A, B và C.

88. Lựa chọn người tham gia tố tụng vụ án hình sự trong các đáp

án dưới đây:

A. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự,

B. Bị can, bị cáo;

C. Người bị hại,

D. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan

E. Tất cả các đáp án trên.

F. Đáp án B và C.

89. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị

bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn nào đuổi đây:

A. 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

B. 30 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

C. 45 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

90.Lựa chọn các giai đoạn xét xử vụ án hình sự trong các đáp án

dưới đây:

A. Sơ thẩm;

B. Phúc thẩm;

C. Giám đốc thẩm;

D. Tái thẩm.

E. Tất cả các đáp án trên

F. Đáp án A và B.

CHƯƠNG IX. LUẬT HÀNH CHÍNH

91. UBND thành phố Hải phòng cùng cấp/cùng cấp với cơ quan

nào sau đây:

A. UBND thành phố Hải Dương,

B. UBND thành phố Hồ Chín Minh;

C. UBND thành phố Thanh Hóa

﻿D. Cả 3 đáp án trên

92. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam làm việc theo chế độ nào

dưới đây:

A. Thủ trưởng, thủ tướng chính phủ quyết định mọi việc

B. Thủ trưởng, kết hợp với chế độ chuyên viên;

C. Tập thể, biểu quyết theo đa số

D. Tập thể kết hợp chế độ thủ trưởng.

93. Quan hệ nào sau đây là quan hệ pháp luật hành chính:

A. Quan hệ giữa Bộ tài chính với bộ tư pháp trong việc kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước của bộ tư pháp;

B. Quan hệ mua bán nhà đất giữa chủ tịch UBND tỉnh A với công dân Bộ

C. Quan hệ giữa người lao động Á và Công ty B.

94. Người từ đủ 14 tuổi đến 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp nào dưới đây:

A. Vi phạm hành chính do lỗi vô ý;

B. Vi phạm hành chính do lỗi cố ý;

C. Mọi vi phạm hành chính;

D. Vi phạm hành chính nghiêm trọng.

95. Lựa chọn đáp án đúng dưới đây:

A. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó;

B. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì chỉ người tổ chức mới bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính

đó;

96. Đâu là hình thức phạt bổ sung trong xử phạt vi phạm hành chính trong các đáp án dưới đây:

A. Cảnh cáo;

B. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề

C. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

D. Cà B và C

97. Đối với mỗi vi phạm hành chính:

A. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính và một hình phạt bổ sung;

B. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính và một hay nhiều hình phạt bổ sung;

C. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạp chính và một hoặc nhiều hình thưc phạt bổ sung.

﻿98. Khẳng định nào dưới đây là đúng:

A. Việc áp dụng hình thức xử phạt, quyết định mức xử phạt đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính phải nhẹ hơn so với người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính.

B. Việc áp dụng hình thức xử phạt, quyết định mức xử phạt đổi với người chưa thành niên vi phạm hành chính phải như người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính.

99. Bên bị kiện về vụ án hành chính là những cá nhân, tổ chức nào duới đây:

A. Cơ quan nhà nước;

B. Thủ trưởng, các cản bộ, viên chức Nhà nước đã ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính vi phạm pháp luật;

C. Cơ quan nhà nước, Thủ trưởng, các cán bộ, viên chức Nhà nước đã ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính vi phạm pháp luật;

D. Cơ quan nhà nước, Thủ trưởng, các cán bộ, viên chức Nhà nước đã ra quyết định hành chính hoặc có hành vi hành chính vi phạm pháp luật; Thẩm phán tòa án nhân dân đã ra bản án sai.

100. Khẳng định nào dưới đây là sai:

A. Đương sự trong vụ án hành chính không có quyền kháng cáo bản bán hành chính sơ thẩm;

B. Đương sự trong vụ án hành chính có quyền kháng cáo bản bán hành chính sơ thẩm;